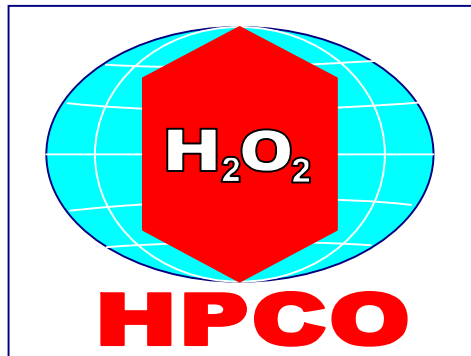


CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018

BẮC GIANG – 2019

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

Tên Công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HUNG PHÁT HÀ BẮC
Tên tiếng Anh	:	HA BAC HUNG PHAT CHEMICAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	HPCO
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	:	Số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25/03/2016.
Vốn điều lệ	:	84.000.000.000 đồng (Tám mươi tư tỷ đồng)
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	:	8.400.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
Địa chỉ trụ sở chính	:	Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Số điện thoại	:	0204 3526 066
Số fax	:	0204 3526 066
Website	:	http://hungphathabac.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Hóa chất Hung Phát Hà Bắc nằm ở phía Bắc thành phố Bắc Giang, phía Đông và phía Bắc giáp Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, phía Nam giáp phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang và phía Tây giáp Công ty cổ phần Than hoạt tính Trường Phát.

Công ty cổ phần Hóa chất Hung Phát Hà Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000297 ngày 01/02/2008. Công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với số vốn điều lệ ban đầu là 56 tỷ đồng và 03 cổ đông sáng lập, trong đó Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc) nắm cổ phần chi phối. Mục tiêu thành lập và hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư sản xuất và cung cấp Hydrogen Peroxide có

công thức hóa học là H₂O₂, còn gọi là ô xy già sử dụng rộng rãi trong công nghiệp sản xuất giấy, dệt, điện tử, xử lý môi trường,... bên cạnh đó Công ty cũng kinh doanh thương mại các sản phẩm phân bón, hóa chất khác như Urea, Kali, NPK.

Là một trong những đơn vị sản xuất ô xy già đầu tiên tại Việt Nam, sau 10 năm thành lập với mục đích sản xuất kinh doanh ô xy già và kinh doanh phân bón hóa chất, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là triển khai đầu tư xây dựng Dây chuyền sản xuất ô xy già công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50% và bắt đầu chạy thử từ cuối năm 2011, đến nay sản phẩm ô xy già của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đã dần tạo lập thương hiệu trên thị trường với hệ thống các nhà phân phối đã bắt đầu được hình thành rộng khắp cả nước. Hiện Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008, thay đổi lần 3 ngày 25/03/2016 với mức vốn điều lệ là 84.000.000.000 đồng.

➤ **Các sự kiện khác:**

Ngày 05/08/2009, Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

Ngày 04/12/2017, Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 219/2017/GCNCP-VSD với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 8.400.000 cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

• **Ngành nghề kinh doanh:**

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25/03/2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi các loại hàng hóa.
- Sản xuất H₂O₂.
- Mua bán H₂O₂, phân bón phục vụ nông nghiệp và các loại hóa chất khác. Kinh doanh vật tư nông nghiệp.
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hóa chất và phân bón, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, máy móc thiết bị và các mặt hàng mà Công ty kinh doanh.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác.
- Buôn bán máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa.
- Kinh doanh bất động sản.

- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.
- Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Xây dựng công trình giao thông.

• **Địa bàn kinh doanh:**

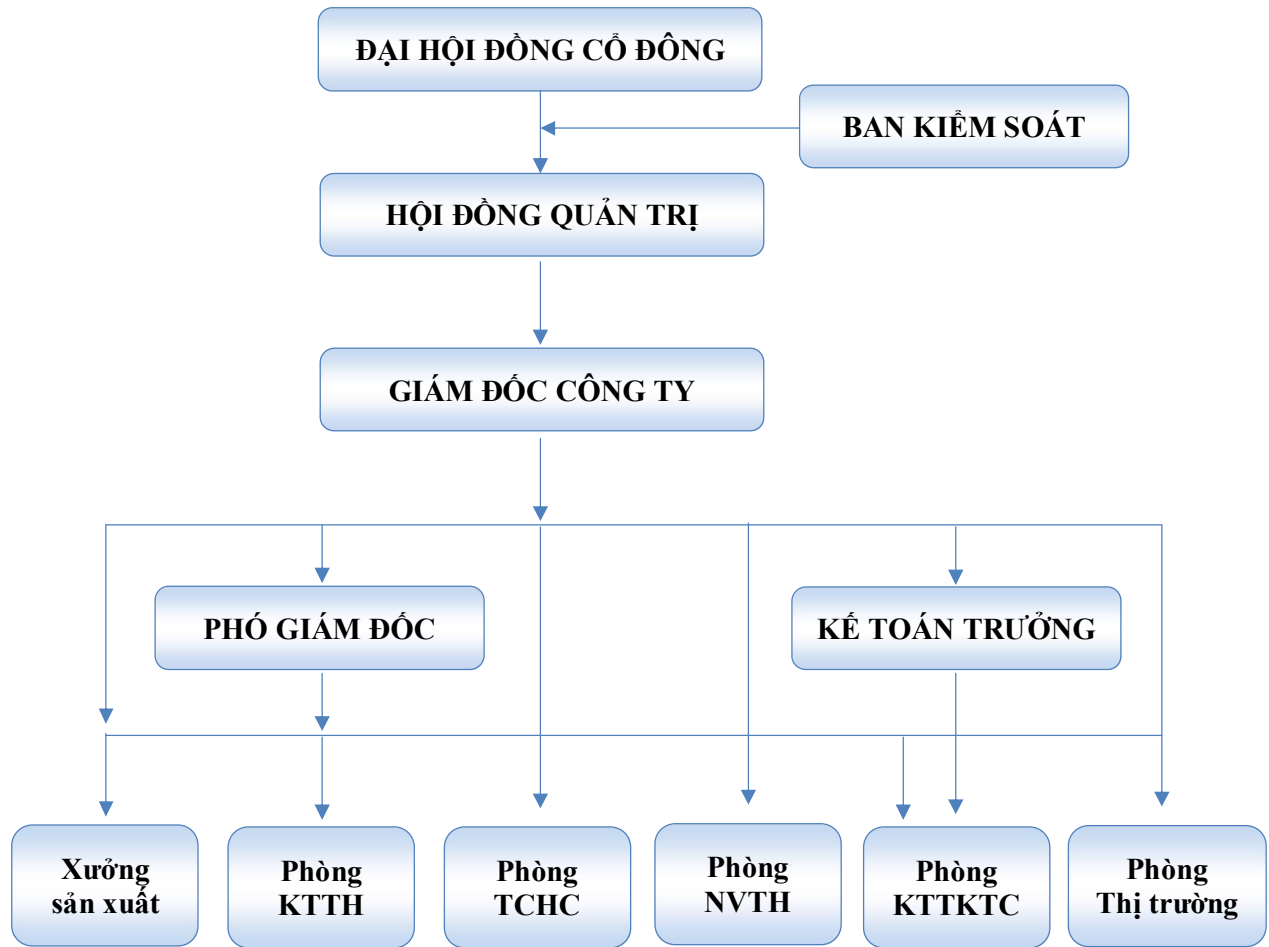
Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Dương, Biên Hòa, Tây Ninh, Vũng Tàu, Bình Định....

Miền Bắc: Thành Phố Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang, Hải Phòng, Nam Hà, Thái Nguyên....

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc thiết lập cơ cấu tổ chức và quản trị theo mô hình công ty cổ phần, phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh, bao gồm cả cơ chế trao đổi thông tin nội bộ và phân công các cán bộ với quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét và cải tiến liên tục hệ thống quản trị Công ty nhằm triển khai có hiệu quả các chính sách nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty như sau:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



➤ Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban Kiểm soát
- Hội đồng quản trị
- Ban Giám đốc
- Các Phòng chuyên môn thuộc Công ty
- Xưởng sản xuất

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần và quyết định các vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo, quyết định phương thức hoạt

động, vốn điều lệ, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ...

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, chịu trách nhiệm triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị có quyền quyết định và thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

4.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và các quyền hạn, trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và kéo dài thêm 90 (chín mươi) ngày để giải quyết các công việc tồn đọng. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4.4. Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty

Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc về lĩnh vực công việc được phân công:

- Theo dõi quản lý kỹ thuật, quy trình công nghệ sản xuất của Công ty.
- Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, đề xuất các quy trình công nghệ mới, tổng hợp báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh thường kỳ cho Giám đốc.
- Chỉ đạo trực tiếp phòng Kỹ thuật tổng hợp và Xưởng sản xuất H₂O₂.

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng là người trực tiếp tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán trong Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các vấn đề liên quan tới công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của Công ty. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

4.5. Các phòng chuyên môn thuộc Công ty và Xưởng sản xuất

Phòng Kỹ thuật tổng hợp

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về các lĩnh vực chuyên môn kỹ thuật trong việc điều hành quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý Kỹ thuật, An toàn và Vệ sinh môi trường.

Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý Kế hoạch, Vật tư và Đầu tư.

Phòng Tổ chức – Hành chính

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý: Tổ chức, quản lý lao động tiền lương và giải quyết các chế độ cho người lao động, Hành chính quản trị, Bảo vệ an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ.

Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về các lĩnh vực Kế toán - Thống kê - Tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện những công việc nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng qui định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán.

Phòng Thị trường

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Giám đốc các vấn đề liên quan đến công tác tiêu thụ và phát triển thị trường, các chuyên môn nghiệp vụ trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các lĩnh vực quản lý tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường.

Xưởng sản xuất

Chức năng: Xưởng sản xuất H₂O₂ là đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có chức năng tiếp nhận nguyên vật liệu, năng lượng, quản lý nhân sự và vận hành thiết bị của dây chuyền để sản xuất sản phẩm H₂O₂ theo kế hoạch đã được Giám đốc công ty phê duyệt.

➤ **Danh sách công ty mẹ của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:**

Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ cổ phần
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang	2400120344	5.423.000	64,56%

➤ **Danh sách công ty con của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có

➤ **Danh sách những công ty mà Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có

➤ **Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có

5. Định hướng phát triển:

➤ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- **Về công tác thị trường:** Trong quá trình hội nhập kinh tế thị trường như hiện nay, việc khẳng định thương hiệu và tăng trưởng thị phần là mục tiêu mà Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đặt lên hàng đầu. Vì vậy, Công ty đã luôn nỗ lực củng cố và hoàn thiện các chiến lược kinh doanh, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm để phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng đồng thời phát huy và giữ vững thế mạnh thị trường vốn có, đẩy mạnh việc phát triển thương hiệu sản phẩm của Công ty.

- **Về sản xuất:** Trước yêu cầu cao về mặt chất lượng sản phẩm của Thị trường, Công ty luôn cố gắng củng cố hệ thống dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh hiệu quả sản xuất, khai thác tối ưu nguồn lực hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện triệt để việc tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

➤ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Hoàn thiện bộ máy tổ chức và hệ thống quản lý; làm chủ thiết bị công nghệ để phát triển trở thành doanh nghiệp có thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực Ôxy già.

➤ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định. Thực hiện chương trình cải tiến thiết bị, công nghệ, hợp lý hoá sản xuất, sử dụng hiệu quả nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải nhằm sản xuất sạch hơn.

Mang lại giá trị thặng dư cao nhất cho Cổ đông, tạo lập cuộc sống ấm no cho Cán bộ nhân viên và góp phần làm tăng tổng giá trị thặng dư cho xã hội.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

➤ **Tốc độ tăng trưởng kinh tế**

Mức độ tăng trưởng của nền kinh tế là một nhân tố quan trọng quyết định trực tiếp đến sự tăng trưởng của doanh nghiệp. GDP tăng trưởng cao và ổn định sẽ thúc đẩy hoạt động kinh doanh và nhu cầu đầu tư mở rộng trong nhiều lĩnh vực, các nhóm ngành công nghiệp và nông nghiệp nói chung và các nhóm ngành sử dụng ô xy già như công nghiệp sản xuất giấy, dệt nhuộm, điện tử, xử lý môi trường, thực phẩm, công nghiệp nhẹ, mây tre đan ... nói riêng có thêm điều kiện và cơ hội phát triển, theo đó các nhu cầu về ô xy già – sản phẩm chính của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc cũng gia tăng. Ngược lại tốc độ phát triển của ngành và của doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực từ một nền kinh tế suy thoái, tốc độ tăng trưởng chậm do nguồn vốn đầu tư và nhu cầu đối với các sản phẩm đầu ra suy giảm.

➤ **Lãi suất**

Cũng như các doanh nghiệp khác, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc cũng thường xuyên sử dụng một kênh huy động vốn truyền thống là tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, đặc biệt là vay tín dụng bằng đồng đô la mỹ (USD). Do đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận mà Công ty đạt được.

➤ **Lạm phát**

Lạm phát thường xảy ra do hai nguyên nhân chính là chi phí đẩy hoặc cầu kéo.

Tổng cầu gia tăng do sự gia tăng của tiêu dùng hộ gia đình, chi tiêu Chính phủ, đầu tư và thay đổi ròng từ hoạt động xuất nhập khẩu. Mặc dù lạm phát trong thời gian qua luôn được kiềm chế nhưng dưới tác động của lạm phát, các chi phí đầu vào phục vụ sản xuất của Công ty như chi phí điện, nước, chi phí nguyên vật liệu, ... đều có xu hướng gia tăng, qua đó gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

➤ **Tỷ giá hối đoái**

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện Dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất ô xy già công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50% và phải nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên vật liệu từ nhà thầu nước ngoài, việc thanh toán các chi phí đầu vào này được thực hiện bằng đồng USD, bên cạnh đó Công ty cũng phải nhận nợ bằng đồng USD từ Ngân hàng để thanh toán cho nhà thầu, do đó mọi sự biến động về tỷ giá hối đoái – đặc biệt là tỷ giá đồng USD đều sẽ ảnh hưởng đến việc ghi nhận giá trị bằng đồng Việt Nam đối với các khoản vay nợ USD của Công ty.

Ngoài tác động nêu trên, mặc dù doanh thu hiện nay của Công ty không trực tiếp gắn liền với ngoại tệ vì trước mắt các sản phẩm Công ty sản xuất và kinh doanh được tiêu thụ tại thị trường trong nước, tuy nhiên với quan điểm không ngừng mở rộng hoạt động kinh doanh, nhiều khả năng việc xuất nhập khẩu sản phẩm sản xuất kinh doanh đối với Công ty có thể xảy ra trong tương lai, chính vì thế trong thời gian qua Công ty vẫn quan tâm nghiên cứu và tăng cường các chính sách nhằm chủ động đối phó với những biến động về tỷ giá hối đoái có thể xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Là một công ty cổ phần đại chúng hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cùng với hệ thống pháp luật chung, lại chịu sự quản lý ngành và tác động của các chính sách đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty nên bất kỳ việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới, ... của Nhà nước, nhất là những điều chỉnh liên quan đến hoạt động của ngành như luật hóa chất, luật thuế, ... đều có thể ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng một môi trường pháp lý tương đối ổn định, cơ sở pháp lý về hoạt động đặc thù ngành cũng như các quy định trên thị trường chứng khoán cũng được điều chỉnh hoàn thiện hơn, tuy nhiên vẫn còn khá nhiều bất cập và vẫn đang tiếp tục được điều chỉnh đòi hỏi Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật.

Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới vẫn đang từng bước xây dựng và hoàn chỉnh nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

6.3. Rủi ro cạnh tranh

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc là một trong những đơn vị đầu tiên trong nước sản xuất Hydrogen Peroxide, công thức hóa học là H_2O_2 , tên thương mại là ô xy già. Từ trước năm 2013, phần lớn nhu cầu về ô xy già trong nước được nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc và Đài Loan,... do đó trong giai đoạn này Công ty chủ yếu phải đối mặt với sức ép cạnh tranh từ các nhà nhập khẩu trong nước và các nhà sản xuất nước ngoài, tuy nhiên sản phẩm ô xy già của Công ty có nhiều ưu thế hơn sản phẩm nhập khẩu về chi phí vận chuyển, tiến độ cung cấp và chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất bột giấy, dệt nhuộm, điện tử, thủ công mỹ nghệ,... nên đã tạo được lợi thế cạnh tranh và góp phần đem lại vị thế của Công ty trên thị trường. Mặc dù vậy, với dự báo nhu cầu tiêu thụ ô xy già trong nước sẽ ngày càng lớn, thời gian vừa qua một số doanh nghiệp trong cùng ngành đã bắt đầu quan tâm nghiên cứu đầu tư dự án sản xuất ô xy già và khả năng trong tương lai sẽ xuất hiện thêm nhiều nhà cung cấp nội địa, kéo theo đó sẽ là sự gia tăng rủi ro cạnh tranh cho Công ty. Đối với các sản phẩm khác như phân bón hóa chất, vật tư và các sản phẩm phục vụ ngành nông nghiệp – một trong những ngành kinh tế then chốt của đất nước, trong quá trình hoạt động Công ty không tránh khỏi sự cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động trong cùng ngành về thị trường, chủng loại mặt hàng và giá cả đầu ra. Để tồn tại, phát triển bền vững và chủ động trước các sức ép cạnh tranh ngày càng lớn, Công ty đã, đang và sẽ không ngừng đầu tư, ứng dụng công nghệ hiện đại để tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, giá thành hợp lý, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển ổn định trong tương lai.

6.4. Rủi ro đặc thù

Nguyên liệu chính để sản xuất ô xy già của Công ty là khí thải Hydro (H_2) từ quá trình tổng hợp Amoniac của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, đây là một thế mạnh của Công ty nhưng cũng là một rủi ro đặc thù vì nếu Công ty Cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc ngừng máy sửa chữa hoặc khi xảy ra sự cố trong quá trình sản xuất thì Dây chuyền sản xuất ô xy già của Công ty sẽ phải ngừng hoạt động do không có nguồn khí thải H_2 cung cấp cho sản xuất, nhận thức được điều này, trong thời gian qua Công ty đã tăng cường nghiên cứu và tìm kiếm các giải pháp hợp lý để hạn chế rủi ro từ nguồn cung cấp nguyên vật liệu nêu trên.

6.5. Rủi ro khác:

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, các biến động của chính trị - xã hội ...

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2018, Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty lãi 24,6 tỷ. Sản lượng ô xy già quy nồng độ 50%: Tiêu thụ đạt 8.554 tấn = 100% so với KH năm; sản xuất đạt 8.629 tấn = 100,3% so với KH năm. Đến thời điểm 31/12/2018 Công ty đã hết lỗ lũy kế.

2. Tổ chức và nhân sự:

➤ Danh sách Ban điều hành và cán bộ quản lý:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Hoàng Hưng	Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc
Bà Thân Thị Hà	Phụ trách kế toán
Ông Trần Đức Tuấn	Trưởng phòng Tổ chức -Hành chính
Ông Lê Thanh Hiếu	Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp
Ông Hoàng Văn Hùng	Giám đốc Xưởng sản xuất
Ông Nguyễn Quang Tuấn	Phó phòng, Phụ trách phòng Thị Trường

(1) Ông Phạm Hoàng Hưng - Giám đốc Công ty:

Họ và tên : Phạm Hoàng Hưng
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 27/05/1972
Nơi sinh : Huyện Mường Tè, Tỉnh Lai Châu
CMND/ Hộ chiếu : 145410250
Ngày cấp/Ngày hết hạn : 29/6/2007
Nơi cấp : CA. Hưng Yên
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Số nhà 194- đường Nguyễn Văn Linh- Thành phố Hưng Yên - Tỉnh Hưng Yên.

Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư hóa vô cơ/ Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
7/1994-5/4/1995	Tập sự công nhân cơ khí, Phân xưởng 605- Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
6/4/1995-14/3/1999	Công nhân cơ khí, xưởng NH3, Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc. Từ T4/1995-3/1999 đi học đại học chính quy, ngành công nghệ hóa vô cơ tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội
15/3/1999-13/10/1999	Tập sự kỹ thuật viên công nghệ tại xưởng NH3- Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
14/10/1999-10/2000	Tập sự kỹ thuật viên công nghệ tại phòng Điều độ sản xuất, Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
11/2000-18/2/2001	Kỹ thuật viên công nghệ tại phòng Điều độ sản xuất, Công ty phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
19/2/2001-9/2010	Trưởng ca Công ty, phòng Điều độ sản xuất, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
01/10/2010-9/2014	Phó trưởng phòng phòng Điều độ sản xuất, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (Nay là CTCP Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc)
01/10/2014-14/02/2016	Phó Giám đốc Xưởng A mô ni ắc 2-Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (Nay là CTCP Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc)
15/2/2016-17/3/2016	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
18/3/2016- đến nay	Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
3/2016- đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Hóa chất

Hưng Phát Hà Bắc	
Chức vụ tại công ty	: Thành viên Hội đồng quản trị -Giám đốc Công ty
Chức vụ tại tổ chức khác	: Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	: 1.139.040 cổ phần
– Đại diện sở hữu	: 1.139.040 cổ phần, chiếm 13,56% vốn điều lệ. Trong đó:
▪ CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	: 1.139.040 cổ phần, chiếm 13,56% vốn điều lệ
– Cá nhân sở hữu	: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	:
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không có
(2) Nguyễn Thế Hùng – Phó Giám đốc	
Họ và tên	: Nguyễn Thế Hùng
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 10/4/1968
Nơi sinh	: Huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
CMND/ Hộ chiếu	: 121559947
Ngày cấp/Ngày hết hạn	: 21/6/2002
Nơi cấp	: CA Bắc Giang
Quốc tịch	: Việt Nam
Địa chỉ thường trú	: Số nhà 68 đường Cô Giang, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	: Kỹ sư chế tạo máy
Quá trình công tác	:

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
năm 1991 đến năm 1995	Kỹ thuật viên tại Nhà máy cơ khí, xí nghiệp liên hợp phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
năm 1995 đến năm 2000	Quản đốc phân xưởng Giấy đế thuộc Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Tổng hợp II thuộc Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
năm 2000 đến năm 2004	Giám đốc Xí nghiệp Giấy đế thuộc Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
năm 2004 đến năm 2005	Giám đốc Công ty Cổ phần Hòa Bình
năm 2005 đến năm 2010	Chuyên viên phòng Đầu tư Xây dựng thuộc Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm Và Hóa chất Hà Bắc
năm 2010 đến nay	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty : Phó Giám đốc
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ : 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu : 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

(3) Bà Thân Thị Hà – Trưởng phòng - Phụ trách Phòng KT-TK-TC

Họ và tên : **Thân Thị Hà**
 Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 05/02/1984

Nơi sinh : Xóm Chiền - Xã Nội Hoàng - H.Yên Dũng - T. Bắc Giang

CMND/ Hộ chiếu : 121516592

Ngày cấp/Ngày hết hạn : 30/06/2015

Nơi cấp : CA.Bắc Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số nhà 73-QL 1A- Xã Tân Mỹ - TP. Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
T5/2009 đến T8/2016	Kế toán viên Phòng KT-TK-TC Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
T9/2016 đến nay	Phó trưởng phòng Phòng KT-TK-TC Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
T11/2016– đến nay	Phụ trách Phòng KT-TK-TC Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty : Trưởng phòng - Phụ trách Phòng KT-TK-TC

Chức vụ tại tổ chức khác : Không

Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu : 0 cổ phần

Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

(4) Ông Trần Đức Tuấn - Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính:

Họ và tên : **Trần Đức Tuấn**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 15/7/1961
Nơi sinh : Hải Phòng
CMND/ Hộ chiếu : 120011416
Ngày cấp/Ngày hết hạn : 11/11/2005
Nơi cấp : CA Bắc Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Số 315 Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 01/1986 - 12/1988	CNVH Điện, NM Nhiệt điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 01/1989 - 07/1997	Trưởng kíp VH Điện, NM Nhiệt điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 8/1997 - 04/2000	Kế toán tổng hợp, NM Nhiệt điện, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 05/2000 - 04/2010	Chuyên viên LĐTTL, phòng TCNS, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 05/2010 - 09/2011	Phó phòng, Phụ trách phòng TCHC, Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ 10/2011 - Nay	Trưởng phòng TCHC, Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty : Trưởng phòng TCHC
Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ : 11.155 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,133% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu : 11.155 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,133% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

(5) Ông Lê Thanh Hiếu - Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp:

Họ và tên : **Lê Thanh Hiếu**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 22/8/1961
 Nơi sinh : Lâm Thao, Phú Thọ
 CMND/ Hộ chiếu : 120015814
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 17/5/2005
 Nơi cấp : CA Bắc Giang
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số nhà 37 khu phố Hà Vị 1, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
 Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư kinh tế kỹ thuật
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ năm 1982 - 1986	Bộ đội thuộc E51 – Quân khu I
Từ năm 1986 - 1993	Công nhân cơ khí, nhà máy cơ khí hóa chất Hà Bắc
Từ năm 1993 - 2008	Chuyên viên Kế hoạch tại phòng kế hoạch Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ năm 2008 đến nay	Trưởng phòng Nghiệp vụ Tổng hợp Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.

Chức vụ tại công ty : Trưởng phòng NVTH
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ : 3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,042% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu : 3.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,042% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

(6) Ông Nguyễn Văn Tuấn - Trưởng phòng Kỹ thuật tổng hợp:

Họ và tên : **Nguyễn Văn Tuấn**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 10/9/1971
 Nơi sinh : Xã Hồng Thái, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình
 CMND/ Hộ chiếu : 122029516
 Ngày cấp/Ngày hết hạn : 12/12/2008
 Nơi cấp : CA Bắc Giang
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : K41 - Công viên Hoàng Hoa Thám, Bắc Giang
 Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư hóa
 Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 1992 - 1993	Công nhân Xưởng Tạo khí, Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

Từ 1993 - 1996	Học tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội
Từ 1996 - 2007	Trưởng ca Công ty, Phòng Điều độ sản xuất, Công ty TNHH Một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2007 - 2008	Kỹ thuật viên, Phòng kỹ thuật Công nghệ, Công ty TNHH 1TV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2008 - 2010	Kỹ thuật viên, Phòng Kỹ thuật tổng hợp, Công ty cổ phần Hóa Chất Hưng phát Hà Bắc
Từ 2010 - nay	Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật tổng hợp, Công ty cổ phần Hóa Chất Hưng phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty : Trưởng phòng KTTH
 Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ : 700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
 - Cá nhân sở hữu : 700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
 Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần
 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

(7) Ông Hoàng Văn Hùng - Giám đốc Xưởng sản xuất:

Họ và tên : **Hoàng Văn Hùng**
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 09/3/1967
 Nơi sinh : Tân Mỹ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
 CMND/ Hộ chiếu : 120926352

Ngày cấp/Ngày hết hạn : 3/11/2005

Nơi cấp : CA Bắc Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Địa chỉ thường trú : Số 125- Đường 398- Tân Mỹ - TP Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang

Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư công nghệ hóa học

Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 1991 – 1/1998	Trưởng ca Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc)
Từ 1/1998 – 8/1998	Phó quản đốc Xưởng giấy, Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc)
Từ 8/1998 - 2005	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh, Công ty Xăng dầu khu vực 1
Từ 2005 - 2010	Chuyên viên Phòng KTCN, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2010 - Nay	Giám đốc xưởng sản xuất, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chức vụ tại công ty : Giám đốc xưởng SX

Chức vụ tại tổ chức khác : Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ : 2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Cá nhân sở hữu : 2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ

Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

(8) Ông Nguyễn Quang Tuấn - Phó phòng, Phụ trách phòng Thị Trường:

Họ và tên : **Nguyễn Quang Tuấn**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 05/02/1963
Nơi sinh : Á Lữ, Trần Phú, TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
CMND/ Hộ chiếu : 120014249
Ngày cấp/Ngày hết hạn : 22/11/2005
Nơi cấp : CA Bắc Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Địa chỉ thường trú : Số nhà 235, Đường Nguyễn Thị Lưu 2, Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn: : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ - đơn vị công tác
Từ 1981 – 1986	Công nhân xưởng Nhiệt, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 1986 – 1993	Công nhân xưởng sản xuất tổng hợp, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 1993 - 2008	Nhân viên phòng Thị trường, Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Từ 2008 – 7/2010	Nhân viên Phòng NVTH, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ 7/2010 – 3/2013	Phó phòng, Phòng NVTH, Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
Từ 3/2013 - Nay	Phó phòng, Phụ trách phòng thị trường, Công ty

	cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc
--	-----------------------------------

Chức vụ tại công ty	: Phó phòng- Phụ trách phòng TT
Chức vụ tại tổ chức khác	: Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	: 5.680 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,068% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	: 0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	: 5.680 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,068% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	: 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không có
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	: Không có

➤ **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không có

➤ **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Số lượng người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2018 là 61 người.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống,... Các Tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và tổ chức Đoàn thanh niên của Công ty cũng luôn được quan tâm xây dựng và không ngừng phát triển.

Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ cán bộ công nhân viên có hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên.

Hàng năm Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao

động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Công ty có chính sách khuyến học đối với cán bộ công nhân viên. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được vừa làm vừa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Công ty TNHH Tư vấn thuế, kế toán và kiểm toán AVINA-IAFC đã phát hành các Báo cáo kiểm toán quyết toán Dự án hoàn thành. Ngày 24/12/2014, HĐQT đã phê duyệt quyết toán Dự án đầu tư xây dựng công trình dây chuyền sản xuất Hydrogen Peroxide công suất 10.000 tấn/năm, nồng độ 50%.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Đơn vị: đồng
			% tăng giảm năm 2018 so với 2017
1. Tổng tài sản (cuối kỳ)	168.217.659.697	180.240.310.570	7,15%
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.325.478.094	89.057.748.687	55,35%
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.315.919.332	24.640.160.006	236,80%
4. Lợi nhuận khác	16.375.887	-909.284	-105,55%
5. Lợi nhuận trước thuế	7.332.295.219	24.639.250.722	236,04%
6. Lợi nhuận sau thuế	7.332.295.219	20.133.207.771	174,58%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	15%	15%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2017	2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tại thời điểm 31/12)	Lần	1,33	2,76

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2017	2018
(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)			
- Hệ số thanh toán nhanh (tại thời điểm 31/12) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,91	2,20
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,48	0,41
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,94	0,69
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	6,23	7,88
- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,34	0,49
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,13	0,23
- Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%	0,08	0,19
- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,044	0,112
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / DTT	%	0,13	0,28

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8.400.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông:

➤ Cơ cấu cổ đông của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2018):

TT	Danh mục	1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
A	Tổng vốn chủ sở hữu:	84.000.000	100
1	- Cổ đông sáng lập:	69.828.000	83,13
2	- Cổ đông lớn (*):	69.828.000	83,13
3	- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	13.172.000	15,68
4	- Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	1.000.000	1,19
B	Trong đó:	84.000.000	100
1	- Nhà nước:	54.230.000	64,56
2	- Người nước ngoài:	0	0
3	- Người Việt Nam khác (không gồm Nhà nước):	29.770.000	35,44

➤ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2018):**

TT	Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
1	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang	2400120344	5.423.000	64,56%
2	CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	Khối I, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội	0101328911	999.800	11,90%
3	Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Long	Tầng 14-Tòa nhà Diamond Flower- Số 48-Đường Lê Văn Khương-KĐT mới N2- Nhân Chính - Thanh xuân - HN	0102014919	560.000	6,67%

➤ **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:**

TT	Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
1	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang	2400120344	2.856.000 (*)	51,00%
2	CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	Khối I, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội	0101328911	560.000 (**)	10,00%
3	CTCP Hóa chất Công nghiệp Tân Long	Phòng 810 Nhà 18T2, chung cư Trung Hòa, Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	0102014919	560.000	10,00%

(*) Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đang nắm giữ 5.423.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 64,56% vốn điều lệ của Công ty.

(**) Tại thời điểm 31/12/2018, CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh đang nắm giữ 999.800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,902% vốn điều lệ của Công ty.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty trong năm 2018 là 84.000.000.000 đồng (Tám mươi tư tỷ đồng).

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Xem phụ lục 2: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

(Phần I. Kết quả thực hiện)

2. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2018	31/12/2018	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
Tài sản	168.217	180.240	12.024	71,24%
- Tài sản ngắn hạn	21.677	37.715	16.038	73,99%
- Tài sản dài hạn	146.540	142.525	-4.014	-2,74%
Nguồn vốn	168.217	180.240	12.024	13,25%
- Nợ phải trả	81.448	73.337	-8.110	-9,96%
- Vốn chủ sở hữu	86.769	106.903	20.134	23,20%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Để có nhân lực điều chuyển khi có người nghỉ phép, nghỉ chế độ, Công ty triển khai công tác đào tạo để một người có thể đảm nhận được một số cương vị trong dây chuyền để thay thế nhau và tổ chức chế độ 3 ca, 3 kíp đối với các cương vị có người nghỉ.

Duy trì kiểm tra kỷ luật lao động với việc chấp hành nội quy, quy định của Công ty, kết hợp với việc tuyên truyền vận động CNVC tự giác chấp hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Xem phụ lục 2: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

(Phần II. Mục tiêu, nhiệm vụ năm 2019 và các giải pháp thực hiện)

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có giải trình vì không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên.

IV.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Xem phụ lục 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động N2018 và định hướng N2019.

(Phần I. Báo cáo hoạt động năm 2018)

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm qua, HĐQT, Giám đốc công ty trong chỉ đạo điều hành tuân thủ nghiêm túc Điều lệ công ty, bám sát các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của thị trường để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty. Giám sát qua trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết và chỉ đạo HĐQT Công ty.

HĐQT tổ chức các cuộc họp theo định kỳ theo quy định, nếu thấy cần thiết HĐQT tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SX-KD của Công ty.

HĐQT đã kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đặc biệt vấn đề liên quan đến triển khai Dự án đầu tư, báo cáo thường kỳ các hoạt động SXKD, tiến độ thực hiện Dự án các vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ. Tại các cuộc họp này, HĐQT đã đề nghị Giám đốc công ty báo cáo bổ sung một số vấn đề mà cổ đông quan tâm, minh bạch hóa các quan hệ có ảnh hưởng đến lợi ích của Cổ đông.

HĐQT tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung: báo cáo thực hiện hoạt động SX-KD, phương hướng nhiệm vụ, báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.

Năm 2018, kiểm điểm các công tác thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên, HĐQT đã nhất trí đánh giá các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các thành viên HĐQT làm việc với thái độ trung thực, khách quan, không vụ lợi, vì lợi ích công ty, thực hiện đúng theo quy định, quy chế hoạt động của Công ty quy định.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Xem phụ lục 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động N2018 và định hướng N2019

(Phần II. Định hướng hoạt động 2019).

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- HĐQT gồm 5 người trong đó có 4 thành viên không điều hành. Không có thành viên HĐQT độc lập.

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân năm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Chu Anh Dũng Chủ tịch HĐQT		2.520.000	2.520.000	30,00
2	Nguyễn Tổng Luận Thành viên HĐQT	3.093	1.764.000	1.767.093	21,037
3	Phạm Hoàng Hưng Thành viên HĐQT		1.139.000	1.139.000	13,56
4	Nguyễn Thị Thanh Vân Thành viên HĐQT		560.000	560.000	6,667
5	Nguyễn Minh Toàn Thành viên HĐQT		999.800	899.800	11,902
	Tổng cộng	3.093	6.982.800	6.985.893	83,166

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có

1.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:

Các thành viên HĐQT không điều hành đã làm đúng chức năng của mình.

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Không có

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân nắm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thu Nga Trưởng ban kiểm soát	151		151	0,002
2	Lê Thanh Hiếu Thành viên Ban kiểm soát	3.500	0	3.500	0,042
3	Bùi Anh Tuấn Thành viên Ban kiểm soát	0	0	0	0
	Tổng cộng	3.500	0	3.500	0,042

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Xem phụ lục 4: Báo cáo của Ban kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Chủ tịch HĐQT thù lao là: 3.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT thù lao là: 2.000.000 đồng/tháng
- Trưởng ban kiểm soát thù lao là: 1000.000 đồng/tháng
- Thư ký HĐQT thù lao là: 800.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS thù lao là: 800.000 đồng/tháng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng theo thông tư số **Thông tư 95/2017/TT-BTC** ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính của Bộ Tài Chính.

VI. Báo cáo tài chính:

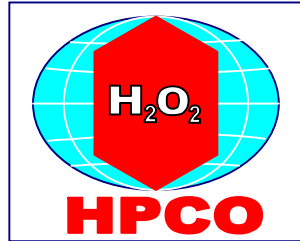
Xem phụ lục 5: Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



Phạm Hoàng Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC 1
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018
VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2019**

Bắc Giang, Năm 2019

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

Của HĐQT về hoạt động năm 2018 và định hướng năm tiếp theo
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)

I- BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018.

1. Tình hình chung.

Thuận lợi:

Tỷ giá đồng Việt nam /Đô la Mỹ ít biến động nên lãi suất tiền vốn vay Đô la ổn định so với các năm trước.

Sản phẩm của Công ty tiêu thụ tốt, giá sản phẩm trên thị trường đã tăng, sản phẩm của Công ty đã có được thị phần ổn định.

Dây chuyền thiết bị sản xuất hoạt động ổn định, phát huy tốt công suất thiết bị khi chạy máy.

Khó khăn:

Việc thực hiện Kế hoạch SX-KD của Công ty bị ảnh hưởng nhiều do phụ thuộc việc cấp một số nguyên liệu đầu vào từ Đạm Hà Bắc như điện, khí H₂....

Từ tháng 8/2018 giá một số nguyên liệu đầu vào (như khí H₂, hơi nước, nước khử khoáng) cùng với một số hóa chất nhập khẩu đã tăng mức cao làm tăng giá thành sản phẩm, giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Xúc tác Paladi vào cuối chu kỳ sử dụng, hoạt tính giảm làm ảnh hưởng đến năng suất, hiệu quả sản xuất. Cuối năm 2018 Công ty đã thay thế 4 tấn xúc tác dẫn đến chi phí sản xuất tăng thêm đáng kể.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn, Hội đồng quản trị Công ty đã có định hướng và ra các quyết định chỉ đạo đưa Công ty vượt qua khó khăn, để hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty hoàn thành các mục tiêu đề ra.

2. Công tác chỉ đạo điều hành:

Thực hiện theo Điều lệ Công ty và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên giao, HĐQT đã triển khai các công việc sau:

a. Thông qua các quyết định theo Quy chế hoạt động của Công ty.

Tại Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2018, đã tổ chức tiến hành bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2018-2023.

- Kiện toàn nhân sự trong HĐQT, phân công trách nhiệm cho các thành viên.
- Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

- Giao KH định mức nguyên nhiên vật liệu trong SX H₂O₂ năm 2018.
- Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.
- Chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho Giám đốc Công ty.
- + Làm việc với ngân hàng, tái cơ cấu trả nợ ngân hàng để đảm bảo dòng tiền duy trì hoạt động SXKD;
- + Rà soát kiện toàn hệ thống Quy chế quản lý nội bộ.

b. Chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh.

1. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức:
 - Chuẩn bị tốt các phương án vận hành; quản lý tốt lao động; củng cố các thiết bị vận hành, thiết bị dự phòng; tận dụng tối đa quỹ thời gian chạy máy, điều hành chạy máy với công suất và sản lượng cao, không để ngừng sản xuất do chủ quan; giám sát tốt chất lượng sản phẩm; giảm định mức tiêu hao (đặc biệt là điện, hơi nước, khí Hydro) đảm bảo SX-KD hiệu quả cao nhất.
 - Tiếp tục công tác phối hợp điều hành sản xuất với Đạm Hà Bắc để đảm bảo việc cung cấp nguyên liệu đầu vào đúng tiêu chuẩn chất lượng và ổn định theo hợp đồng đã ký.
 - Năm 2018, Công ty đã điều hành hợp lý dây chuyền vào sản xuất, đạt sản lượng cao, hiệu quả kinh tế cao trong thời gian chạy máy.
2. Công tác thị trường:
 - Tiếp tục cơ cấu thị trường tiêu thụ sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm ở miền Bắc để giảm chi trợ cước vận chuyển. Tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm loãng (có hiệu quả hơn so với sản phẩm đặc) đặc biệt năm 2018 sản lượng sản phẩm loãng xuất cho khách hàng đã tăng cao (chiếm 11,2% trên tổng sản phẩm quy đổi), chủ động kiểm soát thị trường, điều chỉnh giá bán sản phẩm linh hoạt để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Sản phẩm sản xuất ra đến đâu đã tiêu thụ hết đến đó.
3. Công tác kế hoạch, vật tư, tài chính:
 - Tiết giảm các chi phí: kiểm soát chặt chẽ giá vật tư đầu vào; tạm dừng các khoản đầu tư chưa cần thiết;
 - Tích cực làm việc với các ngân hàng để có được các chính sách hỗ trợ về tài chính.
 - Chỉ đạo việc đấu thầu mua xúc tác thay thế, mua sắm thay thế một số thiết bị hư hỏng.
4. Công tác Tổ chức, lao động tiền lương:
 - Rà soát lại hệ thống quy chế nội bộ, bổ sung sửa đổi cho phù hợp.

Yêu cầu cân đối bố trí lao động hợp lý, đảm bảo tăng thu nhập cho người lao động, ổn định việc làm. Hạn chế tối đa thời gian người lao động nghỉ chờ việc do ngừng dây chuyền.

Chỉ đạo Công ty xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ luật pháp và có hiệu quả nhất đối với Công ty và quyền lợi của các cổ đông.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018.

Một số chỉ tiêu chính:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2018	Thực hiện năm 2018	So với (%) KH năm
1	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	61.920.000	62.125.585	100,3
2	Sản lượng sản phẩm(Quy 50%)		8.600	8.628,55	100,3
3	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	3.729.292	6.396.947	171,5
4	Doanh thu tiêu thụ	1000đ	62.535.000	88.945.028	142,2
5	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	5.887.781	24.639.251	418,4
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	240	2.397	998,7
7	Cổ tức dự kiến	1000đ	0	12.600.000	

4. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Ban điều hành.

HĐQT, Giám đốc công ty trong chỉ đạo điều hành luôn tuân thủ nghiêm túc Điều lệ Công ty, bám sát các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của thị trường để chỉ đạo, định hướng các hoạt động của Công ty. Giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết và chỉ đạo HĐQT Công ty.

HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, nếu thấy cần thiết HĐQT tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SX-KD của Công ty.

HĐQT đã kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đặc biệt vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động SXKD, báo cáo thường kỳ các hoạt động SXKD, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch các vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ. HĐQT đã đề nghị Giám đốc Công ty báo cáo bổ sung một số vấn đề mà cổ đông quan tâm, minh bạch hóa các quan hệ có ảnh hưởng đến lợi ích của Cổ đông.

HĐQT tổ chức Đại hội cổ đông thường niên, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung: báo cáo thực hiện hoạt động SX-KD, phương hướng nhiệm vụ, báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.

Năm 2018, kiểm điểm các công tác thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên, HĐQT đã nhất trí đánh giá các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các thành viên HĐQT làm việc với thái độ trung thực, khách quan, không vụ lợi, vì lợi ích của Công ty, thực hiện đúng theo các nội quy, quy chế hoạt động của Công ty quy định.

II- ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO.

1. Công tác điều hành SXKD.

- Chỉ đạo Công ty khai thác tối đa năng lực thiết bị dây chuyền vận hành đảm bảo các thông số kỹ thuật, đúng chất lượng; tận dụng hết khả năng quỹ thời gian chạy máy.

- Chỉ đạo điều hành SX-KD cân đối sản lượng sản xuất và sản lượng hàng bán ra thị trường đảm bảo thực hiện phương án có hiệu quả nhất và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra với các nhiệm vụ chính:

+ Sản xuất ổn định, an toàn và hiệu quả.

+ Chiếm lĩnh, chủ động thị trường H₂O₂ miền Bắc.

+ Tăng tỷ trọng sản phẩm loãng trong cơ cấu sản phẩm trên tổng sản phẩm quy đổi theo hướng có hiệu quả kinh tế cao.

+ Chủ động và linh hoạt điều chỉnh giá bán sản phẩm căn cứ theo sát nhu cầu thị trường trong từng thời điểm.

- Kiểm soát việc thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính Công ty.

- Phê duyệt và giao Kế hoạch SX_KD, định mức tiêu hao nguyên vật liệu chủ yếu và định biên lao động theo sát với khả năng điều kiện thực tế.

2. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019
1	Giá trị sản lượng	1000 đồng	70.704.000
2	Sản lượng H ₂ O ₂ (quy về nồng độ 50%)	tấn	9.820
3	Doanh thu	1000 đồng	84.781.107
4	Lợi nhuận trước thuế	“	3.531.346
5	Nộp ngân sách nhà nước	“	9.239.827
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	336
7	Cổ tức (dự kiến)	%	0

Hội đồng quản trị công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó của các cổ đông trong thời gian tới.

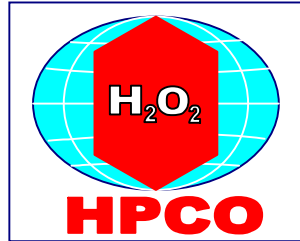
Chúng tôi hứa sẽ cùng Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty cố gắng hết sức để hoàn thành các mục tiêu vì sự phát triển của Công ty và lợi ích của cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Chu Anh Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018**

Bắc Giang, Năm 2019

Bắc Giang, ngày 11 tháng 4 năm 2019

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Giá Ôxy già nhập khẩu vào thị trường Việt Nam tăng từ đầu năm 2018, nguyên nhân tăng giá là do thiếu nguồn cung;

Lãi suất vay đồng đô la Mỹ ổn định so với các năm trước;

Sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi, thu nhập của người lao động so với các năm trước được cải thiện, người lao động an tâm công tác, nâng cao hiệu quả công việc.

2. Khó khăn

Thời gian ngừng sản xuất do gián đoạn nguồn cung khí nguyên liệu hydro, hơi nước, điện và trong khí Hydro nguyên liệu có mù dầu làm hiệu suất thu hồi Hydro của hệ thống tinh chế Hydro giảm, xúc tác Paladi đến cuối thời kỳ sử dụng hoạt tính giảm đã ảnh hưởng đến sản xuất, định mức và năng suất của dây chuyền sản xuất.

Giá khí Hydro nguyên liệu tăng từ ngày 15/8/2018, giá một số hóa chất mua từ thị trường Trung Quốc tăng làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh

a. Kết quả sản xuất kinh doanh:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2018	Thực hiện năm 2018	So với (%)	
					KH năm	TH 2017
*	Thời gian sản xuất	ngày	280	283,7	101,3	114,2
I	Sản lượng sản phẩm					
1	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	tấn	8.600	8.628,55	100,3	105,8
1.1	Ôxy già 50%	tấn	7.411	6.609,64	89,2	90,5
1.2	Ôxy già 35%	tấn	200	314,29	157,1	110,1
1.3	Ôxy già 30%	tấn	900	1.828,71	203,2	683,8
1.4	Ôxy già 27,5%	tấn	900	1.275,79	141,8	143,6
2	Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%)		8.550	8.553,93	100,0	99,8

2.1	Ôxy già 50%	tấn	7.375	6.550,62	88,8	84,9
2.2	Ôxy già 35%	tấn	200	314,29	157,1	110,0
2.3	Ôxy già 30%	tấn	900	1.802,71	200,3	674,1
2.4	Ôxy già 27,5%	tấn	900	1.275,79	141,8	143,6
II	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	61.920.000	62.125.585	100,3	105,8
III	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	3.729.292	6.396.947	171,5	183,9
IV	Giá trị sửa chữa lớn	1000 đ	15.190.148	13.498.842	99,1	5.843
	<i>Trong đó: đã phân bổ 2018</i>		<i>3.315.375</i>	<i>4.499.614</i>	<i>135,7</i>	<i>1.948</i>
V	Đầu tư, xây dựng					
1	Số hạng mục	Cái	0	0		-
2	Giá trị	1000 đ	0	0		-
VI	Giá trị tiết kiệm định mức	1000 đ	-135.634	-270.521	199,4	17,5
VII	Lao động tiền lương					
1	Tổng số lao động BQ năm	người	68	62	91,2	101,6
1.1	Cán bộ quản lý	người	3	3	100	100
1.2	Người lao động	người	65	59	90,8	101,7
2	Tổng quỹ lương theo đơn giá	1000 đ	4.752.660	6.759.822	142,2	156,1
3	Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	6.093.154	9.547.771	156,7	153,4
VII	Doanh thu bán hàng H2O2	1000 đ	62.535.000	88.945.028	142,2	155,3
VIII	Lợi nhuận trước thuế	1000 đ	5.887.781	24.639.251	418,5	336,3
IX	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ/CP	297	2.397	807,0	274,9

b. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức, chất lượng sản phẩm:

Công tác quản lý sản xuất: Trong năm duy trì sản xuất 283,7 ngày, ngừng sản xuất 81,3 ngày với 28 lần dừng và chạy lại máy, trong đó có 23 lần dừng máy với tổng số 65,5 ngày do không có khí nguyên liệu hydro, điện, hơi nước, 03 lần ngừng máy theo kế hoạch của Công ty là 15,8 ngày để lắp đặt bộ lọc mù dầu, thay bộ màng lọc Hydro cấp 1 và thay xúc tác Paladi, 2 lần ngừng máy do sự cố thiết bị, công nghệ của Công ty là 0,1 ngày.

Công tác quản lý công nghệ: Công nghệ sản xuất của Công ty được duy trì ổn định, quản lý tốt việc bổ sung hóa chất pha chế dịch công tác và thời điểm thay ôxít nhôm hoạt tính, góp phần cải thiện nâng cao chất lượng dịch công tác. Xúc tác Paladi đã đến giai đoạn cuối, khi hiệu suất Hydro hóa giảm, Công ty phải tái sinh và hoạt hóa xúc tác nhiều lần sau đó tiếp tục đưa vào sản xuất đã kéo dài thời gian sử dụng của xúc tác.

Công tác quản lý thiết bị: thường xuyên, định kỳ tiến hành công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị. Trong năm 2018 đã chế tạo và lắp đặt bộ lọc mù

dầu, thay màng lọc Hydro cấp 1 trạm Hydro, thay bầu nóng thiết bị làm lạnh nhiệt độ thấp, định kỳ thay túi lọc các bộ lọc, thay dầu máy nén khí ly tâm, bảo dưỡng, thay vòng bị các động cơ điện, hiệu chỉnh các van và định vị van điều tiết, sơn chống gỉ đường ống, lan can, sàn thao tác.

Công tác sửa chữa lớn: Triển khai hạng mục sửa chữa lớn thay 4 tấn xúc tác Paladi tháp Hydro hóa, Công ty đã tiến hành tổ chức đấu thầu rộng rãi quốc tế để lựa chọn nhà thầu thực hiện, kết quả đến tháng 12/2018, xúc tác nhập về được nghiệm thu đạt chất lượng, sau khi lắp đặt đưa xúc tác mới vào sản xuất đạt các thông số vận hành, sản lượng của dây chuyền đạt và vượt công suất thiết kế.

Công tác quản lý định mức tiêu hao năm 2018: Thời gian dừng máy, chạy lại máy nhiều lần, hoạt tính của xúc tác giảm do đến cuối chu kỳ sử dụng, khí Hydro nguyên liệu có mù dầu làm hỏng bộ lọc màng Hydro cấp 1 trạm tinh chế Hydro là những nguyên nhân chính làm tăng định mức tiêu hao khí H₂ nguyên liệu, điện, hơi nước 0,49 Mpa, Ôxít nhôm hoạt tính. Trong quá trình sản xuất Công ty thường xuyên phân tích các chỉ tiêu chất lượng, thành phần dịch công tác, để đảm bảo tỷ lệ giữa Hydrocacbon thơm và TOP trong dịch công tác đáp ứng yêu cầu công nghệ sản xuất phải bổ sung TOP đã làm cho định mức TOP cao hơn định mức kế hoạch. Các định mức khác thực hiện thấp hơn định mức kế hoạch giao. Giá trị tiết kiệm do giảm định mức tiêu hao năm 2018 so với kế hoạch Hội đồng quản trị giao là 270,5 triệu đồng góp một phần làm giảm giá thành sản xuất, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Sản phẩm Ôxy già sản xuất ra đạt chất lượng theo tiêu chuẩn TCCS 01:2011/HPCO đã công bố, đáp ứng chất lượng cho các ngành sản xuất giấy, dệt may và xử lý môi trường đã được thị trường chấp nhận.

c. Công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu:

Do thiếu nguồn cung, giá Ôxy già liên tục tăng từ đầu năm 2018 tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong công tác tiêu thụ sản phẩm ra thị trường. Sản phẩm sản xuất ra đến đâu tiêu thụ hết đến đó, chủ yếu được tiêu thụ ở thị trường Miền Bắc và ưu tiên tiêu thụ sản phẩm loãn. Năm 2018 đã tiêu thụ được 8.553,9 tấn Ôxy già quy nồng độ 50% đạt 100% so với kế hoạch, có 5 đợt tăng giá bán sản phẩm, giá bán bình quân năm đạt 10.398.143 đồng/tấn quy nồng độ 50% bằng 142,16% so với kế hoạch năm và bằng 155,6% so với cùng kỳ năm 2017. Doanh thu sản phẩm Ôxy già đạt 88,945 tỷ đồng bằng 142,2 % so với kế hoạch và bằng 155,6% so với năm 2017. Thị trường tiêu thụ sản phẩm Ôxy già thuận lợi, sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 có hiệu quả cao.

d. Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo

Việc tổ chức sản xuất và bố trí lao động của Công ty gặp khó khăn do thời gian dừng máy nhiều lần và nhiều ngày, tổng số lao động của Công ty đến 31/12/2018 là 62 người, do thu nhập của người lao động được cải thiện, đã giữ được người lao động gắn bó với công ty, xong cũng không tuyển mới được lao động nào đáp ứng yêu cầu về nghề nghiệp và trình độ đào tạo của Công ty. Để

đáp ứng yêu cầu lao động cho sản xuất, Công ty vẫn phải yêu cầu người lao động làm thêm giờ, có thời điểm một số cương vị chuyển sang chế độ làm việc 3 ca 3 kíp. Những đợt dừng máy dài ngày do không có việc làm đã bố trí cho người lao động nghỉ hết công nghỉ bù, nghỉ phép, cuối cùng mới bố trí nghỉ chờ việc.

Tiền lương sản phẩm bình quân của người lao động Công ty năm 2018 đạt 9,547 triệu đồng/người/tháng.

Tiếp tục chương trình đào tạo để một người có thể đảm nhận được một số cương vị trong dây chuyền để thay thế nhau khi có người nghỉ.

e. Công tác kế hoạch, quản lý cung ứng vật tư, quản lý giá bán sản phẩm và tài chính

Công tác kế hoạch: Công ty đã lập Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm và được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt và thông qua tại Đại Hội đồng cổ đông công ty. Kế hoạch hàng tháng, quý được xây dựng sát với thực tế từng thời điểm và được ban hành và triển khai thực hiện.

Công tác quản lý vật tư: Duy trì số lượng vật tư tồn kho hợp lý đáp ứng đủ cho sản xuất. Việc quản lý giá vật tư đầu vào đã được thực hiện tốt, đúng quy định về công tác mua vật tư của Công ty. Vật tư đã qua sử dụng được thu hồi phân loại, vật tư thu hồi Công ty không có nhu cầu sử dụng được bán để thu hồi vốn, năm 2018 đã bán thu hồi được 112,721 triệu đồng.

Công tác quản lý giá bán sản phẩm: Cập nhật thông tin về tình hình nhập khẩu Ôxy già giúp cho Công ty xác định được giá bán hợp lý, trong năm đã điều chỉnh tăng giá bán 5 lần. Xây dựng và có chính sách giá bán sản phẩm Ôxy già nồng độ 27,5%, 30% và 35% hợp lý để cạnh tranh với các nhà nhập khẩu Ôxy già, kết quả đã tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm loãng và mang lại hiệu quả cho Công ty.

Theo phương án cơ cấu lại thời hạn trả nợ gốc vốn vay đầu tư với các Ngân hàng tài trợ vốn, trong năm 2018 Công ty phải trả nợ gốc vay vốn đầu tư cho các ngân hàng là 366.246 Đôla Mỹ tương đương 8,332 tỷ đồng, xong Công ty đã cân đối nguồn thu, ưu tiên trả nợ trả gốc, lãi vay vốn đầu tư và đã trả nợ Ngân hàng được 633.776 Đô la Mỹ tương đương 15,432 tỷ đồng, giảm mức dư nợ vốn đầu tư từ 3,230 triệu Đô la Mỹ xuống còn 2,567 triệu Đô la Mỹ. Thu xếp đủ vốn cho sửa chữa lớn năm 2018, duy trì ổn định dòng tiền cho sản xuất kinh doanh mà không phải vay vốn lưu động góp phần giảm chi phí lãi vay vốn đầu tư, vốn lưu động làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2018.

PHẦN THỨ HAI
MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2019
VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Đặc điểm tình hình:

Các nguyên nhân sau sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty:

1. Giá Ôxy già nhập khẩu bắt đầu giảm từ cuối năm 2018, đến nay gần bằng mức giá nhập khẩu năm 2017 trong khi đó giá khí Hydro nguyên liệu tăng hơn 8 lần so với giá năm 2017, giá điện tăng 8,36% từ 20/3/2019, giá một số hóa chất nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc vẫn ở mức cao làm cho chi phí sản xuất của công ty tăng mạnh sẽ ảnh hưởng lớn năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019.

2. Rủi ro phải dừng sản xuất do không đủ điều kiện đầu vào để duy trì sản xuất và ảnh hưởng của nguồn cung Ôxy già dồi dào với giá rẻ từ Trung Quốc sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty.

II. Mục tiêu, kế hoạch năm 2019

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	So với TH 2018 (%)
*	Thời gian sản xuất	ngày	299	105,5
I	Sản lượng sản phẩm			
1	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	tấn	9.820	113,8
1.1	Ôxy già 50%	tấn	7.615	115,2
1.2	Ôxy già 35%	tấn	500	159,1
1.3	Ôxy già 30%	tấn	2.000	109,4
1.4	Ôxy già 27,5%	tấn	1.200	94,1
2	Sản lượng tiêu thụ (Quy 50%)	tấn	9.820	114,8
2.1	Ôxy già 50%	tấn	7.610	116,2
2.2	Ôxy già 35%	tấn	500	159,1
2.3	Ôxy già 30%	tấn	2.000	110,9
2.4	Ôxy già 27,5%	tấn	1.200	94,1
II	Giá trị tổng sản lượng	1000 đ	70.704.000	113,8
III	Nộp Ngân sách nhà nước	1000 đ	6.203.415	97,0
IV	Giá trị sửa chữa lớn	1000 đ	13.051.935	96,7
V	Giá trị tiết kiệm định mức	1000 đ	-246.411	91,1
VI	Lao động tiền lương			
1	Tổng số lao động	người	68	109,7

1.1	Cán bộ quản lý	người	3	100,0
1.2	Người lao động	người	65	110,2
2	Tổng quỹ lương người lao động	1000 đ	6.443.364	95,3
3	Tiền lương bình quân người lao động	đ/ng/th	8.260.723	86,5
VII	Doanh thu tiêu thụ Ôxy già	1000đ	84.781.107	95,3
VIII	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	3.531.346	14,3
IX	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/CP	336	14,0

2. Các giải pháp thực hiện:

2.1. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức:

Khai thác tốt năng lực sản xuất của dây chuyền, chỉ đạo điều hành sản xuất linh hoạt, tận dụng tối đa quỹ thời gian có đủ các điều kiện đầu vào để duy trì sản xuất đạt sản lượng cao nhất.

Kiểm soát chất lượng dịch công tác trong thời kỳ đầu thay xúc tác, bổ sung kịp thời hóa chất pha chế dịch công tác đảm bảo yêu cầu thành phần, chất lượng dịch công tác theo tư vấn của Nhà sản xuất và cung cấp xúc tác cho Công ty. Cấp phát vật tư cho sản xuất thực hiện đúng theo quy trình cấp phát vật tư của Công ty, kiểm tra hệ thống đo lường đảm bảo phản ánh trung thực số liệu tiêu hao để phục vụ cho điều hành sản xuất và hạch toán nội bộ.

Công tác sửa chữa lớn: Tập trung chỉ đạo triển khai lập phương án và lên kế hoạch mua vật tư phục vụ đại tu máy nén khí SAMSUNG, hệ thống khí cuối. Kết hợp với các đợt dừng máy sửa chữa theo kế hoạch của Công ty Đạm để triển khai thực hiện.

Tiếp tục rà soát và lập nhu cầu vật tư dự phòng cho sản xuất để triển khai mua, đặc biệt là vật tư dự phòng thay thế cho các thiết bị động, đơn chiếc phải mua chính hãng của nhà sản xuất hoặc mua ở thị trường nước ngoài.

Làm tốt công tác duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị theo kế hoạch, không để xảy ra sự cố do chủ quan.

2.2 Công tác tiêu thụ:

Tiếp tục tìm kiếm và phát hiện các đơn vị có nhu cầu sử dụng Ôxy già mới ở khu vực Miền Bắc, thống kê nhu cầu sử dụng, xúc tiến chào hàng và hỗ trợ các nhà phân phối tiếp cận để bán hàng.

Đôn đốc các Nhà phân phối ở Miền Nam có chi nhánh ở Miền Bắc mở rộng tiêu thụ sản phẩm Ôxy già ở thị trường Miền Bắc.

Ký hợp đồng trực tiếp với các nhà nhập khẩu Ôxy già ở Miền Bắc để bán hàng phần đầu tiêu thụ hết sản phẩm của Công ty ở thị trường Miền Bắc.

Ưu tiên tiêu thụ sản phẩm loãng và sản phẩm tiêu thụ ở thị trường Miền Bắc để phát triển thị trường Miền Bắc.

Duy trì việc cập nhật thông tin về nhập khẩu Ôxy già để có chính sách giá bán linh hoạt, phù hợp với giá thị trường.

2.3 Công tác kế hoạch, vật tư, tài chính

Nắm bắt, cập nhật diễn biến giá cả vật tư, chế độ chính sách của Nhà nước để xây dựng kế hoạch sát với thực tế nhằm điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Cân đối đảm bảo vật tư cho sản xuất với việc hạn chế tối đa lượng tồn kho. Kiểm soát giá mua vật tư theo đúng quy định mua vật tư của Công ty.

Theo phương án trả nợ gốc vốn vay đầu tư, trong năm 2019 Công ty trả nợ gốc vay vốn đầu tư cho các ngân hàng là 590.156 Đô la Mỹ tương đương 13,718 tỷ đồng, giảm mức dư nợ vốn đầu tư đầu từ 2,567 triệu Đô la Mỹ xuống còn 1,976 triệu Đô la Mỹ. Tiếp tục cân đối dòng tiền đảm bảo cho sản xuất và sửa chữa lớn năm 2019. Khi điều kiện cho phép sẽ đẩy nhanh tiến độ trả nợ gốc nhằm giảm lãi vay vốn đầu tư.

2.4 Công tác tổ chức sản xuất, quản lý lao động, tiền lương và đào tạo

Tiếp tục chương trình đào tạo nâng cao trình độ để một người có thể vận hành thành thực được một vài cương vị sản xuất khác nhau, điền khuyết khi có người nghỉ;

Tuyển bổ sung số công nhân vận hành hóa có chất lượng, đúng ngành nghề đào tạo để đảm bảo số lao động cần thiết duy trì sản xuất liên tục. Phân đấu giữ ổn định thu nhập cho người lao động để họ yên tâm công tác. Trong trường hợp thời gian ngừng máy do không đủ điều kiện đầu vào để duy trì sản xuất sẽ bố trí cho người lao động nghỉ chế độ như nghỉ bù, nghỉ phép và cuối cùng là nghỉ chờ việc.

Duy trì kiểm tra kỷ luật lao động và nội quy của Công ty, xử lý nghiêm khắc với các trường hợp vi phạm.

2.5 Công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh môi trường: duy trì thực hiện tốt theo quy định.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty tiếp tục có lãi và là năm đầu tiên kể từ khi dự án đi vào sản xuất đã hết lỗ lũy kế của các năm trước, tiếp tục có lợi nhuận để chia cổ tức cho cổ đông của Công ty. Trong năm 2019, Công ty tiếp tục phấn đấu sản xuất kinh doanh đạt kế hoạch mà Hội đồng quản trị và cổ đông Công ty giao, tiếp tục phấn đấu sản xuất kinh doanh an toàn, ổn định với năng suất, chất lượng cao nhằm mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn của công ty, thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi vay đầu tư và có lãi.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

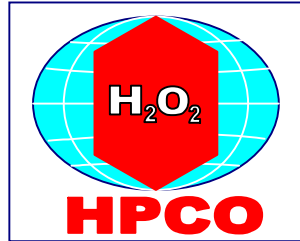


Phạm Hoàng Hưng

Nơi nhận:

- HĐQT công ty;
- Lưu VT, NVTH.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC 3
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2018**

Bắc Giang, Năm 2019

Bắc Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Căn cứ nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc ngày 28 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ tình hình hoạt động và báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông công ty về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

PHẦN I TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ của Công ty Cổ phần Hoá chất Hưng Phát Hà Bắc (HPCO) trong việc quản trị, điều hành công ty:

- Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động của Hội đồng Quản trị công ty có nề nếp, có kế hoạch cụ thể, duy trì các cuộc họp đúng quy định của điều lệ Công ty. Trong các cuộc họp có ra các nghị quyết để Giám đốc triển khai thực hiện. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đúng với pháp luật và phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.

- Giám đốc công ty thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Hội đồng quản trị, một số công việc chưa thực hiện đều có báo cáo giải trình tại các cuộc họp của Hội đồng.

- Các phòng bộ phận chức năng của Công ty có sự phối hợp hoạt động tốt. Kỹ thuật sản xuất đã làm chủ được công nghệ sản xuất, khi đủ điều kiện đầu vào cho sản xuất đã duy trì chạy máy ổn định, an toàn, đạt sản lượng và chất lượng sản phẩm theo kế hoạch, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Tuy nhiên, một số định mức tiêu hao nguyên vật liệu đầu vào tăng so với kế hoạch giao như: Khí H₂ nguyên liệu tăng nguyên nhân do khí H₂ nguyên liệu có lẫn mù dầu làm hiệu suất thu hồi H₂ của bộ lọc màng H₂ cấp 1 trạm tinh chế H₂ giảm, sau khi thay thế bộ lọc màng H₂ mới định mức giảm rõ rệt. Định mức Tri octyl phosphate (TOP) tăng do yêu cầu chất lượng dịch công tác cần bổ sung TOP đảm bảo tỷ lệ giữa Hydrocacbon thơm và TOP đáp ứng yêu cầu công nghệ sản xuất. Định mức hơi nước 0,49 Mpa tăng do xúc tác đến cuối thời kỳ sử dụng cần gia nhiệt dịch công tác để tăng hiệu suất phản ứng Hydro hóa. Định mức Ôxít nhôm hoạt tính, điện tăng do

phải dùng máy, chạy lại máy nhiều lần trong năm do sự cố về nguồn điện, hơi nước, khí H₂ làm định mức tăng.

Khoi nghiệp vụ đã chủ động nắm bắt những vấn đề kinh tế, đã chủ động cân đối dòng tiền đã trả trước khoản vay dài hạn năm 2018 và 2019 theo cam kết tiến độ trả nợ gốc với các ngân hàng góp phần giảm lãi vay đầu tư, sử dụng hiệu quả nguồn tiền đảm bảo an toàn tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh. Thường xuyên cập nhật những quy định về hạch toán của Nhà nước để xây dựng báo cáo tài chính đúng chuẩn mực.

- Việc mở sổ kế toán, tổ chức hạch toán và lưu trữ chứng từ được Phòng kế toán của Công ty thực hiện đúng quy định.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2018, Ban Kiểm soát đã duy trì kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, của Giám đốc Công ty. Việc trao đổi công việc của các thành viên Ban kiểm soát chủ yếu thông qua các phương tiện như Điện thoại, internet:

- Kiểm soát quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch sửa chữa lớn, kế hoạch lao động tiền lương và thu nhập.

- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

- Giám sát việc sử dụng vốn kinh doanh của Công ty.

- Cử người tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Cho ý kiến về các vấn đề liên quan đến hạch toán kế toán, các biện pháp liên quan đến tiền lương, tiêu thụ sản phẩm và những ý kiến với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

3. Thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính năm 2018:

3.1. Căn cứ thẩm tra báo cáo tài chính của công ty.

Báo cáo tài chính năm 2018 do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện. Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Thuyết minh báo cáo tài chính.

3.2. Kết quả thẩm tra báo cáo tài chính năm 2018

- Ban kiểm soát xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán được lập theo đúng quy định của Luật kế toán và các quy định của chuẩn mực kế toán đủ độ tin cậy.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN
(So với KHSXKD theo nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018)

BẢNG TỔNG KẾT TÀI SẢN (Dạng rút gọn)

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2018	Số đầu kỳ 01/01/2017	Chênh lệch
(a)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
TÀI SẢN			
A. Tài sản ngắn hạn	37.715.098.433	21.677.786.492	15.063.986.906
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	26.877.923.777	12.680.363.322	14.197.560.455
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.744.174.838	1.638.234.071	105.940.767
IV. Hàng tồn kho	7.607.161.485	6.846.675.801	760.485.684
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.485.838.333	512.513.298	0
B. Tài sản dài hạn	142.525.212.137	146.539.873.205	-4.014.661.068
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	0
II. Tài sản cố định	142.525.212.137	146.539.873.205	-4.014.661.068
III. Bất động sản đầu tư	-	-	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	0
V. Tài sản dài hạn khác	-	-	0
Tổng cộng tài sản	180.240.310.570	168.217.659.697	11.049.325.838
NGUỒN VỐN			
A. Nợ phải trả	73.337.631.531	81.448.188.429	-8.110.556.898
I. Nợ ngắn hạn	13.673.415.651	16.315.466.869	-2.642.051.218
II. Nợ dài hạn	59.664.215.880	65.132.721.560	-5.468.505.680
B. Vốn chủ sở hữu	106.902.679.039	86.769.471.268	20.133.207.771
I. Vốn chủ sở hữu	106.902.679.039	86.769.471.268	20.133.207.771
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	0
Tổng cộng nguồn vốn	180.240.310.570	168.217.659.697	12.022.650.873

KẾT QUẢ KINH DOANH

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch
(a)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.057.748.687	57.325.478.094	31.732.270.593
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.057.748.687	57.325.478.094	31.732.270.593
4. Giá vốn hàng bán	52.327.701.305	38.977.600.189	13.350.101.116
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.730.047.382	18.347.877.905	18.382.169.477
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.042.050.725	193.327.179	848.723.546
7. Chi phí tài chính	6.167.303.504	4.972.491.632	1.194.811.872
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>4.226.180.364</i>	<i>4.967.937.632</i>	<i>(701.757.268)</i>
8. Chi phí bán hàng	599.839.832	1.090.801.493	(490.961.661)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.364.794.765	5.161.992.627	1.202.802.138

10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	24.640.160.006	7.315.919.332	17.324.240.674
11. Thu nhập khác	418.900	16.428.000	(16.009.100)
12. Chi phí khác	1.328.184	52.113	1.276.071
13. Lợi nhuận khác	(909.284)	16.375.887	(17.285.171)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.639.250.722	7.332.295.219	17.306.955.503
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.506.042.951	0	4.506.042.951
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.133.207.771	7.332.295.219	12.800.912.552
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.397	873	1.524

PHẦN II NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Năm 2018, quỹ thời gian sản xuất được đảm bảo theo kế hoạch nên Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản lượng đề ra. Việc thay bộ lọc màng Hydro cấp 1 trạm tinh chế H2 góp phần giảm định mức tiêu hao khí H2 nguyên liệu cho sản xuất và thay 4 tấn xúc tác Paladi đạt chất lượng và các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ, dây chuyền sản xuất chạy đạt và vượt công suất thiết kế tạo tiền đề cho sản xuất năm 2019 được thuận lợi. Thị trường Ôxy già năm 2018 thuận lợi, giá Ôxy già nhập khẩu tăng liên tục từ đầu năm 2018, nguyên nhân tăng giá chính là do thiếu nguồn cung nên công tác tiêu thụ sản phẩm của Công ty gặp nhiều thuận lợi, sản lượng tiêu thụ chủ yếu ở thị trường Miền Bắc, doanh thu tăng mạnh, sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao, bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu, có nguồn để chia cổ tức cho cổ đông và đời sống người lao động công ty được cải thiện.

- Trong năm 2018 tỷ giá đồng Đôla Mỹ tăng cao bắt đầu từ quý II. Đầu năm 2019, tỷ giá vẫn chưa ổn định và khó dự đoán.

- Trong năm 2019, giá khí H2 nguyên liệu, giá điện tiếp tục tăng, các thiết bị như máy nén không khí ly tâm, hệ thống khí cuối, các thiết bị trao đổi nhiệt đã đến chu kỳ sửa chữa lớn và dự kiến phải mua bổ sung tiếp 2 tấn xúc tác Paladi vào cuối năm 2019 sẽ làm chi phí sản xuất tăng mạnh.

- Giá Ôxy già nhập khẩu bắt đầu giảm từ cuối năm 2018 và giảm mạnh ngay từ các tháng đầu năm 2019, giảm mạnh nhất là giá Ôxy già nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc. Trước những thách thức như trên đòi hỏi Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và toàn bộ người lao động Công ty phải có những nỗ lực để duy trì sản xuất kinh doanh ổn định, đạt hiệu quả. Tại Đại hội cổ đông này, Ban kiểm soát xin báo cáo và đề nghị Đại hội cổ đông có những quyết sách hợp lý nhằm đẩy mạnh sản xuất, ổn định dòng tiền cho sản xuất, tiếp tục bảo toàn và phát triển vốn Công ty, trả gốc vốn vay đầu tư đúng hạn, có lợi nhuận để chia cổ tức cho cổ đông của Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận:

- Hội đồng QT
- Giám Đốc
- Các Thành viên
- Lưu VT, BKS

CÁC THÀNH VIÊN

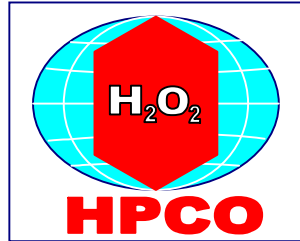
TRƯỞNG BAN


Lê Thanh Hiếu


Nguyễn Anh Tuấn


Nguyễn Thu Nga

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HOÁ CHẤT HÙNG PHÁT HÀ BẮC**



**PHỤ LỤC 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN
NĂM 2018**

Bắc Giang, Năm 2019

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

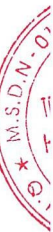
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán).

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 25
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 25 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Chu Anh Dũng	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 26/4/2018 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ)
Ông Phạm Hoàng Hưng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Toàn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Tổng Luận	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26/4/2018 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ)
Ông Trần Văn Quế	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 26/4/2018 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hoàng Hưng	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thu Nga	Trưởng ban
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên
Ông Bùi Anh Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/4/2018 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ)
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/4/2018 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc 



Phạm Hoàng Hưng

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được lập ngày 15 tháng 02 năm 2019, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Điền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2019

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of **HLB** International

Phạm Thị Xuân Thu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1462-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		37.715.098.433	21.677.786.492
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	26.877.923.777	12.680.363.322
111	1. Tiền		340.612.288	12.680.363.322
112	2. Các khoản tương đương tiền		26.537.311.489	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.744.174.838	1.638.234.071
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	1.242.975.100	1.444.550.200
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		24.750.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	476.449.738	193.683.871
140	IV. Hàng tồn kho	6	7.607.161.485	6.846.675.801
141	1. Hàng tồn kho		7.607.161.485	6.846.675.801
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.485.838.333	512.513.298
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		1.025.453.669	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	460.384.664	512.513.298
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		142.525.212.137	146.539.873.205
220	II. Tài sản cố định		133.525.983.834	146.539.873.205
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	133.525.983.834	146.539.873.205
222	- Nguyên giá		205.690.457.869	205.690.457.869
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(72.164.474.035)	(59.150.584.664)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		8.999.228.303	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	8.999.228.303	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		180.240.310.570	168.217.659.697

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		73.337.631.531	81.448.188.429
310	I. Nợ ngắn hạn		13.673.415.651	16.315.466.869
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	3.635.256.592	4.938.864.181
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	149.208.390	166.400.390
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	4.007.451.441	281.238.973
314	4. Phải trả người lao động		2.102.778.198	1.024.568.260
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	236.662.003	335.384.337
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.803.949.672	1.230.053.688
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9	1.728.836.355	8.327.684.040
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		9.273.000	11.273.000
330	II. Nợ dài hạn		59.664.215.880	65.132.721.560
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	9	59.664.215.880	65.132.721.560
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		106.902.679.039	86.769.471.268
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	106.902.679.039	86.769.471.268
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		84.000.000.000	84.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		84.000.000.000	84.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.501.266.000	5.501.266.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.401.413.039	(2.731.794.732)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(2.731.794.732)	(10.064.089.951)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		20.133.207.771	7.332.295.219
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		180.240.310.570	168.217.659.697

Đặng Thị Mai Hương
Người lập biểu
Bắc Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Thân Thị Hà
Trưởng phòng Kế toán



Phạm Hoàng Hưng
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	89.057.748.687	57.325.478.094
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		89.057.748.687	57.325.478.094
11	4. Giá vốn hàng bán	18	52.327.701.305	38.977.600.189
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.730.047.382	18.347.877.905
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	1.042.050.725	193.327.179
22	7. Chi phí tài chính	20	6.167.303.504	4.972.491.632
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		4.266.180.364	4.967.937.632
25	8. Chi phí bán hàng	21	599.839.832	1.090.801.493
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	6.364.794.765	5.161.992.627
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.640.160.006	7.315.919.332
31	11. Thu nhập khác		418.900	16.428.000
32	12. Chi phí khác		1.328.184	52.113
40	13. Lợi nhuận khác		(909.284)	16.375.887
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.639.250.722	7.332.295.219
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	4.506.042.951	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>20.133.207.771</u>	<u>7.332.295.219</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	2.397	873



Đặng Thị Mai Hương
 Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2019



Thân Thị Hà
 Trưởng phòng Kế toán




Phạm Hoàng Hưng
 Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		24.639.250.722	7.332.295.219
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.013.889.371	13.111.080.326
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(297.396.910)	(153.395.980)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(744.653.815)	(22.880.699)
06	- Chi phí lãi vay		4.266.180.364	4.967.937.632
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		40.877.269.732	25.235.036.498
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(894.419.137)	1.761.567.975
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(760.485.684)	1.469.503.846
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(23.123.110)	596.926.274
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(8.999.228.303)	73.858.219
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.283.260.698)	(4.983.594.041)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(500.000.000)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.000.000)	(2.600.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		25.414.752.800	24.150.698.771
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(444.377.084)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		559.807.150	22.880.699
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		559.807.150	(421.496.385)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.901.123.140	591.360.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(13.671.079.595)	(16.817.849.400)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.043.040)	(1.923.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11.776.999.495)	(16.228.413.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		14.197.560.455	7.500.789.386
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		12.680.363.322	5.179.573.936
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		26.877.923.777	12.680.363.322

Hhg

Thân Thị Hà



Đặng Thị Mai Hương
 Người lập biểu
 Bắc Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Thân Thị Hà
 Trưởng phòng Kế toán

Phạm Hoàng Hưng
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 25 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 84.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 84.000.000.000 đồng; tương đương 8.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất và buôn bán hóa chất H₂O₂.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2018, nhu cầu thị trường, đặc biệt là thị trường miền Bắc về sản phẩm H₂O₂ là rất lớn nên lượng sản phẩm tiêu thụ của Công ty tăng mạnh, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được hết nhu cầu của thị trường. Cùng với đó, trong năm, Công ty đã liên tục tăng giá bán của sản phẩm. Điều này khiến cho kết quả kinh doanh năm 2018 cao hơn nhiều so với năm 2017.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm

2.9. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái và ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

SỐ
CỔ
CHỨ
NG
A
1/1/18

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính 2018.

2.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22. Thông tin bộ phận

Do hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh H₂O₂ và chỉ phát sinh tại tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Tiền mặt	161.788.651	240.576.559
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	178.823.637	12.439.786.763
- Các khoản tương đương tiền	26.537.311.489	-
	<u>26.877.923.777</u>	<u>12.680.363.322</u>

Tại 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng có tổng giá trị 26.537.311.489 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5%/năm.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Khí Công nghiệp Long Biên	464.722.500	-	4.875.500	-
- Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng	-	-	1.138.178.800	-
- Công ty TNHH Trần Lê Anh	677.763.900	-	211.970.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	100.488.700	-	89.525.900	-
	<u>1.242.975.100</u>	<u>-</u>	<u>1.444.550.200</u>	<u>-</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	184.846.665	-	-	-
- Tạm ứng	266.945.000	-	175.800.000	-
- Phải thu khác	24.658.073	-	17.883.871	-
	476.449.738	-	193.683.871	-

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	5.544.708.771	-	6.115.663.969	-
- Công cụ, dụng cụ	124.976.000	-	139.112.000	-
- Thành phẩm	1.937.476.714	-	591.899.832	-
	7.607.161.485	-	6.846.675.801	-

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH
 (Chi tiết phụ lục 01)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	8.999.228.303	-
	8.999.228.303	-

9. CÁC KHOẢN VAY
 (Chi tiết phụ lục 02)

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Công nghệ Nano ứng dụng	1.304.880.000	1.304.880.000	982.734.800	982.734.800
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	2.312.776.592	2.312.776.592	3.916.331.381	3.916.331.381
- Phải trả các đối tượng khác	17.600.000	17.600.000	39.798.000	39.798.000
	3.635.256.592	3.635.256.592	4.938.864.181	4.938.864.181
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	2.312.776.592	2.312.776.592	3.916.331.381	3.916.331.381

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Sản xuất Hóa chất Đắc Trường Phát	142.076.900	142.076.900
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	7.131.490	24.323.490
	149.208.390	166.400.390

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHIÀ NƯỚC
 (Chi tiết phụ lục 03)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	56.380.003	73.460.337
- Trích trước chi phí hỗ trợ vận chuyển cho khách hàng	180.282.000	261.924.000
	236.662.003	335.384.337

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	27.451.014	27.350.935
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	900.000	900.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	567.102.640	574.145.680
- Quỹ thưởng BGD và các quỹ công đoàn	93.653.976	99.653.976
- Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	65.357.524	61.757.524
- Chi phí hỗ trợ vận chuyển phải trả khách hàng	-	351.624.000
- Nguyên liệu, vật tư chưa có hóa đơn	1.015.606.800	84.162.740
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.877.718	30.458.833
	1.803.949.672	1.230.053.688

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	84.000.000.000	5.501.266.000	(10.064.089.951)	79.437.176.049
Lãi trong năm trước	-	-	7.332.295.219	7.332.295.219
Số dư cuối năm trước	84.000.000.000	5.501.266.000	(2.731.794.732)	86.769.471.268
Số dư đầu năm nay	84.000.000.000	5.501.266.000	(2.731.794.732)	86.769.471.268
Lãi trong năm nay	-	-	20.133.207.771	20.133.207.771
Số dư cuối năm nay	84.000.000.000	5.501.266.000	17.401.413.039	106.902.679.039

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	Tỷ lệ	01/01/2018	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	54.230.000.000	64,56%	54.230.000.000	64,56%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	9.998.000.000	11,90%	9.998.000.000	11,90%
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	5.600.000.000	6,67%	5.600.000.000	6,67%
Các cổ đông khác	14.172.000.000	16,87%	14.172.000.000	16,87%
	84.000.000.000	100%	84.000.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.400.000	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ Công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	5.501.266.000	5.501.266.000
	5.501.266.000	5.501.266.000

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Phường Thọ Xương - Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2010 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 14.623,2 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	89.057.748.687	57.325.478.094
	89.057.748.687	57.325.478.094
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)	-	17.700.000

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	52.327.701.305	38.977.600.189
	52.327.701.305	38.977.600.189

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	744.653.815	22.880.699
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	17.050.500
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	297.396.910	153.395.980
	1.042.050.725	193.327.179

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.266.180.364	4.967.937.632
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.901.123.140	4.554.000
	6.167.303.504	4.972.491.632

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	343.735.836	299.214.497
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.999.996	33.999.996
Chi phí khác bằng tiền	222.104.000	757.587.000
	599.839.832	1.090.801.493

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	118.732.124	33.903.361
Chi phí nhân công	4.125.630.761	3.181.609.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	148.976.315	251.104.764
Thuế, phí, lệ phí	87.861.802	31.081.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	443.862.640	352.093.543
Chi phí khác bằng tiền	1.439.731.123	1.312.199.628
	6.364.794.765	5.161.992.627

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	24.639.250.722	7.332.295.219
Các khoản điều chỉnh tăng	170.528.184	-
- Chi phí không hợp lệ	170.528.184	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.279.564.152)	(7.332.295.219)
- Chuyển lỗ các năm trước	(2.279.564.152)	(7.332.295.219)
Thu nhập tính thuế TNDN	22.530.214.754	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.506.042.951	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(500.000.000)	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	4.006.042.951	-

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	20.133.207.771	7.332.295.219
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	20.133.207.771	7.332.295.219
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.400.000	8.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.397	873

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.783.065.945	20.747.815.549
Chi phí nhân công	9.083.678.660	6.620.514.530
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.013.889.371	13.111.080.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	449.512.640	712.052.543
Chi phí khác bằng tiền	2.307.766.168	2.285.253.419
	60.637.912.784	43.476.716.367

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.877.923.777	-	12.680.363.322	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.719.424.838	-	1.638.234.071	-
	28.597.348.615	-	14.318.597.393	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	61.393.052.235	73.460.405.600
Phải trả người bán, phải trả khác	5.439.206.264	6.168.917.869
Chi phí phải trả	236.662.003	335.384.337
	67.068.920.502	79.964.707.806

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.877.923.777	-	-	26.877.923.777
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.719.424.838	-	-	1.719.424.838
	28.597.348.615	-	-	28.597.348.615
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.680.363.322	-	-	12.680.363.322
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.638.234.071	-	-	1.638.234.071
	14.318.597.393	-	-	14.318.597.393

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	1.728.836.355	45.420.452.062	14.243.763.818	61.393.052.235
Phải trả người bán, phải trả khác	5.439.206.264	-	-	5.439.206.264
Chi phí phải trả	236.662.003	-	-	236.662.003
	7.404.704.622	45.420.452.062	14.243.763.818	67.068.920.502
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	8.327.684.040	42.208.733.520	22.923.988.040	73.460.405.600
Phải trả người bán, phải trả khác	6.168.917.869	-	-	6.168.917.869
Chi phí phải trả	335.384.337	-	-	335.384.337
	14.831.986.246	42.208.733.520	22.923.988.040	79.964.707.806

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng			
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty mẹ	-	17.700.000
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty mẹ	18.074.607.688	12.614.940.298

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty mẹ	2.312.776.592	3.916.331.381

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	423.432.418	294.872.907
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	724.404.675	490.393.025

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Đặng Thị Mai Hương
Người lập biểu
Bắc Giang, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Thân Thị Hà
Trưởng phòng Kế toán



Phạm Hoàng Hưng
Giám đốc

PHỤ LỤC 01. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26.054.643.113	179.120.360.211	345.454.545	170.000.000	205.690.457.869
Số dư cuối năm	26.054.643.113	179.120.360.211	345.454.545	170.000.000	205.690.457.869
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.190.824.309	53.522.023.341	332.431.471	105.305.543	59.150.584.664
Khấu hao trong năm	1.015.465.404	11.951.400.897	13.023.074	33.999.996	13.013.889.371
Số dư cuối năm	6.206.289.713	65.473.424.238	345.454.545	139.305.539	72.164.474.035
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	20.863.818.804	125.598.336.870	13.023.074	64.694.457	146.539.873.205
Tại ngày cuối năm	19.848.353.400	113.646.935.973	-	30.694.461	133.525.983.834

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 133.495.289.373 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 399.090.909 VND

PHỤ LỤC 02. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	281.178.973	5.577.337.316	5.858.516.289	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	4.506.042.951	500.000.000	-	4.006.042.951
Thuế Thu nhập cá nhân	-	60.000	33.975.509	32.627.019	-	1.408.490
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	512.513.298	-	52.128.634	-	460.384.664	-
Thuế, phí, lệ phí khác	-	-	5.803.212	5.803.212	-	-
	512.513.298	281.238.973	10.175.287.622	6.396.946.520	460.384.664	4.007.451.441

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

PHỤ LỤC 03. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2018		Trong năm				31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
a) Vay ngắn hạn								
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	VND 8.327.684.040	VND 8.327.684.040	VND 7.072.231.910	VND 13.671.079.595	VND 1.728.836.355	VND 1.728.836.355	VND 1.728.836.355	
	<u>8.327.684.040</u>	<u>8.327.684.040</u>	<u>7.072.231.910</u>	<u>13.671.079.595</u>	<u>1.728.836.355</u>	<u>1.728.836.355</u>	<u>1.728.836.355</u>	
b) Vay dài hạn								
- Vay dài hạn	73.460.405.600	73.460.405.600	1.901.123.140	13.968.476.505	61.393.052.235	61.393.052.235	61.393.052.235	
	<u>73.460.405.600</u>	<u>73.460.405.600</u>	<u>1.901.123.140</u>	<u>13.968.476.505</u>	<u>61.393.052.235</u>	<u>61.393.052.235</u>	<u>61.393.052.235</u>	
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.327.684,040)	(8.327.684,040)	(7.072.231,910)	(13.671.079,595)	(1.728.836,355)	(1.728.836,355)	(1.728.836,355)	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>65.132.721,560</u>	<u>65.132.721,560</u>			<u>59.664.215,880</u>	<u>59.664.215,880</u>	<u>59.664.215,880</u>	

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

Số hợp đồng	Thời gian đảo hạn	Loại tiền	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	31/12/2018		01/01/2018	
					Nguyên tệ USD	Quy đổi VND	Nguyên tệ USD	Quy đổi VND
Hợp đồng số 0001-018-01/HĐTD ngày 15/07/2010 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang	26/09/2024	USD	6%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2	1.294.292	30.079.271.080	1.619.879	36.836.048.460
Hợp đồng số 01/10/ĐTDA/BG ngày 15/07/2010 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang	26/09/2024	USD	6%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2	1.347.119	31.313.781.155	1.610.924	36.624.357.140
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					<u>2.641.411</u>	<u>61.393.052.235</u>	<u>3.230.803</u>	<u>73.460.405.600</u>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						<u>(1.728.836.355)</u>		<u>(8.327.684.040)</u>
						<u>59.664.215.880</u>		<u>65.132.721.560</u>